

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp – Lâm Nghiệp; Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường nông lâm nghiệp

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thanh Giao

2. Ngày tháng năm sinh: 20/12/1982    Nam  ;    Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Thới Thạnh, huyện Ô môn, tỉnh Cần Thơ.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 5/76, Lê Quang Chiêu, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

6. Địa chỉ liên hệ: 5/76, Lê Quang Chiêu, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0907759582

E-mail: ntgiao@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 5/2005 đến 3/2009: Nghiên cứu viên, Trường Đại học Cần Thơ
- Từ 4/2009 đến 4/2011: Học thạc sỹ ngành Quản lý Môi trường tại trường Đại học Chulalongkorn, Thái Lan.
- Từ 5/2011 đến 5/2013: Nghiên cứu viên, Trường Đại học Cần Thơ.
- Từ 6/2013 đến 2/2017: Học tiến sỹ ngành Quản lý Môi trường tại trường Đại học Chulalongkorn, Thái Lan.
- Từ tháng 3/2017 đến 9/2017: Nghiên cứu viên, Trường Đại học Cần Thơ.

- Từ 10/2017 đến nay: Giảng viên, Trường Đại học Cần Thơ.
- Từ tháng 10/2017 đến nay: Phó Chủ tịch Công đoàn Bộ phận Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.
- Từ tháng 5/2018 đến nay: Phó Trưởng Bộ môn Quản lý Môi trường.

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng bộ môn Quản lý Môi trường

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng bộ môn Quản lý Môi trường

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

Địa chỉ cơ quan: Khu II, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: (84-292) 3832663

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 15 tháng 8 năm 2005, ngành: Môi trường.

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Cần Thơ.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 08 tháng 04 năm 2011, chuyên ngành Quản lý Môi trường.

Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Chulalongkorn, Thái Lan.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 29 tháng 3 năm 2017, chuyên ngành Quản lý Môi trường.

Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Chulalongkorn, Thái Lan.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS liên ngành:

Nông nghiệp – Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hai định hướng nghiên cứu chính của tôi và nhóm nghiên cứu là (1) đánh giá rủi ro và giải pháp quản lý rủi ro sức khỏe và sinh thái và (2) giải pháp quản lý chất lượng môi trường, đặc biệt là môi trường nước.

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, chất thải sẽ được phát sinh, bao gồm chất thải rắn, lỏng, khí, chất thải nguy hại. Việc tiếp xúc của chất ô nhiễm với môi trường sẽ gây những thay đổi tiêu cực đến môi trường, ảnh hưởng đến các đối tượng sống trong môi trường và sức khỏe con người. Để làm rõ các tác động, ứng viên và nhóm nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu các ảnh hưởng của chất ô nhiễm đến môi trường và sức khỏe. Các rủi ro đối với sinh vật và sức khỏe có thể xảy ra, khi tiếp xúc với các tác nhân ô nhiễm qua các con đường như ăn uống, hô hấp hay qua da. Quản lý rủi ro sức khỏe cần phải được thực hiện do các

yêu cầu của pháp luật, sự quan tâm của công chúng. Quá trình quản lý rủi ro là công cụ hỗ trợ thiết lập tiêu chuẩn để xác định một mức độ có thể chấp nhận được của rủi ro đối với một môi trường nguy hại từ môi trường bằng việc xem xét mức độ nghiêm trọng và xác suất xảy ra của các ảnh hưởng có hại đến sức khỏe, các tiếp xúc môi trường có thể xảy ra trong dân số, nguồn và phương tiện kiểm soát đối với chất ô nhiễm cũng như lợi ích và chi phí dự đoán của các chiến lược giảm thiểu rủi ro khác nhau. Ở Việt Nam, chưa có nhiều nghiên cứu về định lượng các rủi ro sinh thái và rủi ro sức khỏe, do đó việc nghiên cứu những vấn đề này và đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro là rất cấp thiết.

Quan trắc môi trường nhằm mục đích phát hiện các chất ô nhiễm trong các thành phần môi trường đất, nước, không khí, trầm tích, sinh vật gây ra do hoạt động sinh hoạt hàng ngày, chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, công nghiệp, dịch vụ, du lịch và các hoạt động khác. Quan trắc giúp trả lời câu hỏi rằng việc phát triển kinh tế xã hội có bền vững hay không thông qua theo dõi và đánh giá các thông số môi trường theo thời gian. Xã hội càng phát triển và các chất ô nhiễm được kiểm soát tốt là chúng ta đang hướng đến phát triển bền vững, và ngược lại xã hội càng phát triển nhưng chất lượng môi trường ngày càng suy giảm là dấu hiệu của sự phát triển chưa bền vững. Từ đó, những vấn đề về chính sách pháp luật, khoa học kỹ thuật, kinh tế, nguồn nhân lực cần phải được đánh giá lại và có sự điều chỉnh phù hợp. Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, môi trường nước mặt được quan tâm nhiều nhất vì tầm quan trọng của nước, nước là rất thiết yếu cho sự sống. Môi trường nước là nơi tiếp nhận nước thải, chất thải rắn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, do đó nghiên cứu về giải pháp cải thiện chất lượng nước đóng vai trò rất quan trọng.

#### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Hướng dẫn 03 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ kết quả đạt từ khá trở lên, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường.
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp cơ sở (cấp trường quản lý) đạt từ loại tốt trở lên.
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp địa phương (xếp loại đạt).
- Đang thực hiện 01 đề tài NCKH hợp tác quốc tế với tổ chức IUCN, sẽ hoàn thành vào tháng 10/2021.
- Đã công bố 64 bài báo khoa học (trong đó có 18 bài báo thuộc danh mục ISI, Scopus).
- Đã xuất bản 02 sách tham khảo xuất bản bởi nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

#### 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen Bộ trưởng năm học 2019-2020 (Quyết định số 136/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 01 năm 2021).
- Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam năm học 2019-2020 (Quyết định số 220/QĐ-CDN ngày 18 tháng 8 năm 2020).

#### 16. Kỷ luật: không

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên luôn có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng. Trong công việc, luôn tâm huyết và nỗ lực với nghề nghiệp, giữ gìn danh dự, lương tâm và đạo đức nhà giáo. Luôn có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; đánh giá công bằng và đúng năng lực của người học; tôn trọng nhân cách, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học và đồng nghiệp. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của nhà trường và của ngành. Có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục khác (điều chỉnh chương trình đào tạo). Không vi phạm các quy định về những điều giảng viên không được làm. Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của người giảng viên và các nhiệm vụ khác được giao.

Với những kết quả nêu trên, ứng viên hy vọng mình đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo để được xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2021.

### 2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*):

- Ứng viên đã có thời gian 15 năm công tác tại trường Đại học Cần Thơ, trong đó có hơn 6 năm công tác với vị trí nghiên cứu viên và trợ giảng. Ứng viên cũng đã có thời gian 3 năm 9 tháng tham gia giảng dạy ở bậc đại học và thạc sĩ.

- Chi tiết về ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ được trình bày trong bảng sau:

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD LVT N ĐH	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	Đang học tiến sĩ						0/0/0
2	2016-2017	Nghiên cứu viên						0/0/0
3	2017-2018	-	-	-	16	344,7	45	389,7/702,8/229.5
03 năm học cuối								
4	2018-2019	-	-	-	20	410,1	110	520,1/960,9/229.5
5	2019-2020	-	-	3	8	480,6	155	635,6/1033,4/229.5
6	2020-2021	-	-	3	9	474,45	48	522,45/926,05/238

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học thạc sỹ tại nước: Thái Lan (02 năm) từ tháng 6/2009 đến tháng 6/2011.

- Học tiến sỹ tại nước: Thái Lan (3.5 năm) từ tháng 6/2013 đến tháng 2/2017.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác  ;

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

T T	Họ tên HV	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/ có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Trương Ngọc Yên (M2918008)		x	x		2018-2020	Trường ĐH Cần Thơ	Số 3711/QĐ-ĐHCT ngày 29/10/2020
2	Trần Đổ Bảo Trâm (M2918017)		x	x		2018-2020	Trường ĐH Cần Thơ	Số 3711/QĐ-ĐHCT ngày 29/10/2020
3	Nguyễn Lan Phương (M2918014)		x	x		2018-2020	Trường ĐH Cần Thơ	Số 3711/QĐ-ĐHCT ngày 29/10/2020

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>Trước khi được công nhận tiến sĩ</b>							
<b>Sau khi được công nhận tiến sĩ</b>							
1	Quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường	TK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2020	05	x		Số 1390/GXN- ĐHCT
2	Quản lý rủi ro sức khỏe	TK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2020	01	x		Số 1389/GXN- ĐHCT

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: .....

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS; Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên CT, ĐT	CN	TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Văn bản nghiệm thu (văn bản, số, ngày tháng, năm)	Xếp loại Kết quả
<b>Trước khi được công nhận tiến sĩ</b>							
<b>Sau khi được công nhận tiến sĩ</b>							
1	Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường và đa dạng sinh học khu bảo tồn loài-sinh cảnh Phú Mỹ	CN		Mã số: DP2019-15. Đề tài NCKH địa phương	2019	Hợp đồng Số 07/HĐKT-BQL ngày 15/8/2019 Nghiệm thu ngày 30/10/2019	Đạt
2	Đánh giá hiện trạng môi trường trước khi đóng cửa bãi chôn lấp rác xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	CN		Mã số: TCN2019-12. Đề tài NCKH cấp cơ sở	2019	Nghiệm thu ngày 18/12/2019 Quyết định công nhận Số 1773/QĐ-ĐHCT ngày 20/7/2020	Xuất sắc
3	Quan trắc môi trường và đa dạng sinh học tại khu bảo tồn Loài-Sinh cảnh Phú Mỹ	CN		Mã số: DP2020-24. Đề tài NCKH địa phương	2020	Hợp đồng Số 01/HĐKT-BQL ngày 3/11/2020 Nghiệm thu ngày 25/12/2020	Đạt
4	Đánh giá chất lượng, thông số, vị trí quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Hậu Giang.	CN		Mã số: TCN2020-01. Đề tài NCKH cấp cơ sở	2021	Quyết định công nhận Số 1433/QĐ-ĐHCT ngày 28/05/2021 Nghiệm thu ngày 05/3/2021	Tốt
5	Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	CN		Hợp tác quốc tế (IUCN, Project Number P01600)	2021	Sẽ nghiệm thu vào 10/2021	

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Ảnh hưởng nước thải khu công nghiệp Trà Nóc đối với thủy vực lân cận thành phố Cần Thơ	3		Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ ISSN 1859-2333			9, 194-201	9/2008
2	Inhibitory kinetics of ammonia oxidation influenced by silver nanoparticles	3	x	Journal of Water Air Soil Pollution ISSN 1573-2932	SCIE, Q2 IF 2.520		223, 5197-5203	8/2012
3	Mechanical and Chemical Stabilities of Barium Alginate Gel: Influence of Chemical Concentrations	4		Key Engineering Materials ISSN 1013-9826	Scopus, Q4		718, 62-66	11/2016
4	Influence of Silver Nanoparticles and Liberated Silver Ions on Nitrifying Sludge: Ammonia Oxidation Inhibitory Kinetics and Mechanism	5	x	Journal of Environmental Science and Pollution Research ISSN 0944-1344	SCIE, Q2 IF 4.223		24, 9229-9240	2/2017
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>							
5	Indoor air quality and health risk assessment for workers in packaging production factory, Can Tho city, Viet Nam	3		Journal of Vietnamese Environment ISSN 2193-6471			10(2), 66-71	8/2018
6	Surface water quality in canals in An Giang province, Viet Nam, from 2009 to 2016	2		Journal of Vietnamese Environment ISSN 2193-6471			10(2), 113-119	11/2018

7	Surface water quality in the canals influenced by agricultural activities in An Giang province	1	x	Journal of Science on Natural Resources and Environment ISSN 0866-7608			21, 73-82	12/2018
8	Reduction of Silver Nanoparticle Toxicity Affecting Ammonia Oxidation Using Cell Entrapment Technique	5	x	Water Science and Technology ISSN 0273-1223	SCIE, Q3 IF 1.915		79 (5), 1007-1016	3/2019
9	The use of zoobenthos for the assessment of water quality in canals influenced by landfilling and agricultural activity	1	x	Journal of Vietnamese Environment ISSN 2193-6471			11(2), 33-42	7/2019
10	Environmental Soil, Water, and Sediment Quality of Dong Thang Landfill in Can Tho City, Vietnam	2	x	Applied Environmental Research ISSN 2287-0741	Scopus, Q4		41 (2), 73-83	7/2019
<b>Ba năm cuối</b>								
11	Kết quả cải thiện môi trường và thu nhập của mô hình nuôi cá sặc rằn với bèo và ốc bươu đen ( <i>Pila occidentalis</i> )	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			12, 123-130	8/2019
12	Độc cấp tính và ảnh hưởng của Marshal 200SC lên hoạt tính cholinesterase và sinh trưởng cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> )	10		Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ ISSN 1859-2333			55, 135-141	10/2019
13	Đánh giá tính đa dạng phiêu sinh động vật ở vùng đệm Vườn Quốc gia U Minh Hạ tỉnh Cà Mau	6		Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ ISSN 1859-2333			55, 45-52	10/2019
14	Ứng dụng thống kê đa biến trong đánh giá chất lượng nước	7		Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ			55, 70-76	10/2019



	mặt ở Vườn Quốc Gia U Minh Hạ-Cà Mau			ISSN 1859-2333				
15	Ứng dụng phần mềm Primer đánh giá sự phân bố cá tự nhiên ở vùng đệm Vườn Quốc Gia U Minh Hạ-Cà Mau	5		Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ ISSN 1859-2333			55, 88-94	10/2019
16	Evaluating current water quality monitoring system on Hau River, Mekong delta, Vietnam using multivariate statistical technique	1	x	Applied Environmental Research ISSN 2287-0741	Scopus, Q4		42(1), 14-25	1/2020
17	Đánh giá hiện trạng quản lý dược phẩm sau khi sử dụng của hộ gia đình tại huyện Đầm Dơi và Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và sinh viên đại học tại thành phố Cần Thơ	4	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN 0866-7608			29, 70-78	3/2020
18	Hiện trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tại xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	5	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN 0866-7608			29, 100-109	3/2020
19	Phytoplankton-Water Quality Relationship in water bodies in the Mekong Delta, Viet Nam	2	x	Applied Environmental Research ISSN 2287-0741	Scopus, Q4		42(2), 1-12	4/2020
20	Surface Water Quality Assessment Using Phytoplankton and Zoobenthos: A Case Study at Bung Binh Thien, An Giang Province, Vietnam	1	x	Journal of Vietnamese Environment ISSN 2193-6471			12(1), 7-16	4/2020
21	Đánh giá hiện trạng sử dụng nước và chất lượng nước tại xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	3	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường			30, 10-20	6/2020

				ISSN 0866-7608				
22	Đánh giá ảnh hưởng của chất thải chăn nuôi heo đến chất lượng nước mặt tại thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	3	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN 0866-7608			30, 47-54	6/2020
23	Xác định chỉ tiêu môi trường nước mặt ảnh hưởng đến thực vật phù du tại Bung Bình Thiên, An Giang	1	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			13, 86-95	7/2020
24	Potential Degradation and Kinetics of melanoidin by using Laccase from White Rot Fungus	5		Applied Environmental Research ISSN 2287-0741	Scopus, Q4		42(3), 1-10	8/2020
25	Chất lượng nước mặt tại các sông nhánh tiếp giáp sông Hậu thành phố Cần Thơ	1	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			15, 79-86	8/2020
26	Đánh giá nhận thức – thái độ – hành vi của sinh viên đại học Cần Thơ về biến đổi khí hậu	3		Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN 0866-7608			31, 96-112	9/2020
27	Spatial Variations of Surface Water Quality in Hau Giang Province, Vietnam Using Multivariate Statistical Techniques	1	x	Environment and Natural Resources ISSN 1686-5456	Scopus, Q3		18(4), 400-410	9/2020
28	Mối liên hệ giữa thành phần phiêu sinh thực vật và chất lượng nước tại một số thủy vực tỉnh An Giang	1	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN 0866-7608			31, 42-53	9/2020

29	Khảo sát sơ bộ thành phần và hiện trạng quản lý chất thải nhựa tại xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	2	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN 0866-7608			31, 76-85	9/2020
30	Mối liên hệ giữa chất lượng môi trường nước mặt và thành phần sinh vật tại Bắc Vàm Nao, An Giang	1	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			18, 112-121	9/2020
31	Chất lượng nước ngầm và rủi ro cho sức khỏe khi sử dụng nước nhiễm asen tại An Giang	1	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			20, 124-131	10/2020
32	Evaluating surface water quality in Ninh Kieu district, Can Tho city, Vietnam	1	x	Applied Science and Environmental Management ISSN 1119-8362			24(9), 1599-1606	10/2020
33	Interrelation of Phytoplankton and Water Quality at Bung Binh Thien Reservoir, An Giang Province, Vietnam	2	x	Indonesian Journal of Environmental Management and Sustainability ISSN 2598-6260			4(4), 110-115	11/2020
34	Tác động tích cực đến sinh kế của cộng đồng sau khi thành lập khu bảo tồn Loài - Sinh cảnh Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	4	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			22, 125-133	11/2020
35	Evaluating Water Quality Variation in the Vietnamese Mekong Delta Area Using Cluster and Discriminant Analysis	2	x	Applied Environmental Research ISSN 2287-0741	Scopus, Q4		43(1), 14-27	11/2020
36	Đa dạng phiêu sinh thực vật và động vật đáy tại cảng Vĩnh Đám thuộc đảo Phú	3	x	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ ISSN 1859-2333			6A, 42-56	12/2020

	Quốc tỉnh Kiên Giang							
37	Xác định vị trí quan trắc môi trường đất, nước tại khu bảo tồn Loài-Sinh cảnh Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	1	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			24, 133-141	12/2020
38	Application of Multivariate Statistical Techniques in Selecting Surface Water Quality Monitoring Sites at Bung Binh Thien Reservoir, An Giang, Vietnam	1	x	Journal of Science on Natural Resources and Environment ISSN 0866-7608			33, 52-61	12/2020
39	Evaluating soil and water quality in Phu My Species and Habitat conservation area, Kien Giang	1	x	Journal of Science on Natural Resources and Environment ISSN 0866-7608			33, 32-41	12/2020
40	Preliminary study on influence of fire on physical and chemical characteristics of soil at Tram Chim National Park, Tam Nong district, Dong Thap Province	3	x	Journal of Science on Natural Resources and Environment ISSN 0866-7608			33, 3-12	12/2020
41	Health Risk Assessment for the exposure of Workers to BTEX at the Gasoline Stations	3	x	Applied Science and Environmental Management ISSN 1119-8362			25(1), 71-77	12/2020
42	Hàm lượng kim loại nặng trong đất nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu	2	x	Tạp chí Khoa học đất ISSN 2525-2216			61, 47-52	1/2021
43	Spatiotemporal analysis of surface water quality in Dong Thap province, Vietnam using water quality	3	x	Water ISSN 2073-4441	SCIE, Q1 IF 3.103		13(3), 336	1/2021

	index and statistical approaches							
44	Manganese Removal by Biofiltration Using Activated Carbon-barium Alginate-entrapped Cells: Morphology, Durability, Settling Velocity, and Treatment Efficiency	3		Applied Environmental Research ISSN 2287-0741	Scopus, Q4		43(1), 127-139	1/2021
45	Biến động theo mùa chất lượng môi trường đất tại rừng tràm Mỹ Phước, Sóc Trăng	2	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-0004			19(1), 96-109	1/2021
46	Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải ao nuôi cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	2	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-0004			19(2), 254-263	2/2021
47	Phân khu chức năng khu bảo tồn dựa vào đa dạng sinh học và môi trường: Trường hợp nghiên cứu tại khu bảo tồn Loài-Sinh cảnh Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			2, 113-120	2/2021
48	Đánh giá chất lượng nước mặt huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng sử dụng phương pháp thống kê đa biến	5	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN 0866-7608			35, 68-79	3/2021
49	Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt quận Cái Răng thành phố Cần Thơ	5	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN 0866-7608			35, 47-60	3/2021
50	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm của bệnh viện đa	3	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường			35, 17-29	3/2021

	khoa thành phố Cần Thơ			ISSN 0866-7608				
51	Đánh giá tích lũy trầm tích tại Bung Bình Thiên, tỉnh An Giang.	3	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-0004			19(4), 557-567	4/2021
52	Assessing impact of saline intrusion on rice cultivating area in Ke Sach district, Soc Trang province, Vietnam	1	x	Journal of Agriculture and Applied Biology ISSN 2723-5106			2(1), 41-52	4/2021
53	Characteristics of Surface Water Quality and Diversity of Zoobenthos in Water Bodies, An Giang province, Vietnam	3	x	Applied Environmental Research ISSN 2287-0741	Scopus, Q4		43(2), 60-76	4/2021
54	Evaluating surface water quality and water monitoring parameters in the Tien River, Vietnamese Mekong Delta	2	x	Jurnal Teknologi (Science and Technology)	Scopus Q3		83(3), 29-36	4/2021
55	Using Remote Sensing and Multivariate Statistics in Analyzing the Relationship between Land Use Pattern and Water Quality in Tien Giang province, Vietnam	3	x	Water ISSN 2073-4441	SCIE, Q1 IF 3.103		13(8), 1093	4/2021
56	Classification of Water Quality in Low-Lying Area in Vietnamese Mekong Delta Using Set Pair Analysis Method and Vietnamese Water Quality Index	4	x	Environmental Monitoring and Assessment ISSN 0167-6369	SCIE, Q2 IF 2.513		193(6), 1-16	5/2021
57	The Variation of Water Quality in Three Land Use Types in U Minh	3		Water ISSN 2073-4441	SCIE, Q1 IF 3.103		13(11), 1-14	5/2021

	Ha National Park, Ca Mau Province, Vietnam Using Multivariate Statistical Approaches							
58	Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt sông Cái Sắn thuộc ba tỉnh An Giang-Cần Thơ-Kiên Giang	1	x	Tạp chí Khoa học đất ISSN 2525-2216			Số 62, 46-51	5/2021
59	Khảo sát chất lượng môi trường nước tại Vườn Quốc Gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			Số 9, 163-170	5/2021
60	Đánh giá hiện trạng và công tác quản lý rác thải điện tử gia dụng tại thành phố Cần Thơ	3	x	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ ISSN 1859-2333			Tập 57, Số 3A: 31-39	6/2021
61	Khảo sát hiện trạng quản lý, khai thác và chất lượng nước ngầm tại Vĩnh Châu, Sóc Trăng	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			Số 11, 162-169	6/2021
62	Khảo Sát Chất Lượng Đất Vào Mùa Khô Tại Vườn Quốc Gia Tràm Chim, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			Số 12, 131-137	6/2021
63	Application of GIS and Multi-Criteria Statistical Techniques in Assessing Water Quality in the Coastal Province of Vietnamese Mekong Delta	2	x	Applied Environmental Research ISSN 2287-0741	Scopus, Q4		43(3), 17-33	7/2021
64	Ứng dụng thống kê đa biến phân vùng chất lượng nước và đề xuất vị trí thu mẫu nước tại khu bảo tồn Mỹ Phước, tỉnh Sóc Trăng	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			Số 14: 153-159	7/2021

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận TS: **12**

**1. Nguyen Thanh Giao**, Huynh Thi Hong Nhien, Phan Kim Anh, Duong Van Ni. Classification of Water Quality in Low Lying Area in Vietnamese Mekong Delta Using Set Pair Analysis Method and Vietnamese Water Quality Index. Environmental Monitoring and Assessment, 2021, 193(6):319. (ISSN: 1573-2959, Tạp chí ISI, Q2, IF: 2.513).

**2. Nguyen Thanh Giao**, Nguyen Van Cong, Huynh Thi Hong Nhien. Using Remote Sensing and Multivariate Statistics in Analyzing the Relationship between Land Use Patterns and Water Quality in Tien Giang province, Vietnam. Water, 2021, 13(8), 1093. (ISSN: 2073-4441, Tạp chí ISI, Q1, IF: 3.103).

**3. Nguyen Thanh Giao** and Vo Quang Minh. Evaluating surface water quality and water monitoring variables in Tien River, Vietnamese Mekong Delta. Jurnal Teknologi, 2021, 83(3): 29-36. (ISSN: 2655-6839, Tạp chí Scopus, Q3).

**4. Nguyen Thanh Giao**, Huynh Thi Hong Nhien, Truong Hoang Dan. Characteristics of Surface Water Quality and Diversity of Zoobenthos in Water Bodies, An Giang province, Vietnam. Applied Environmental Research, 2021, 43(2):60-76. (ISSN: 2287-0741, Tạp chí Scopus, Q4).

**5. Nguyen Thanh Giao**, Phan Kim Anh, Huynh Thi Hong Nhien. Spatiotemporal analysis of surface water quality in Dong Thap province, Vietnam using water quality index and statistical approaches. Water, 2021, 13(3):336. (ISSN: 2073-4441, Tạp chí ISI, Q1, IF: 3.103).

**6. Nguyen Thanh Giao** and Huynh Thi Hong Nhien. Evaluating Water Quality Variation in the Vietnamese Mekong Delta Area Using Cluster and Discriminant Analysis. Applied Environmental Research, 2021, 43(1): 14-27. (ISSN: 2287-0741, Tạp chí Scopus, Q4).

**7. Nguyen Thanh Giao**, Huynh Thi Hong Nhien. Application of GIS and Multi-Criteria Statistical Techniques in Assessing Water Quality in the Coastal Province of Vietnamese Mekong Delta. Applied Environmental Research, 2021, 43(3): (ISSN: 2287-0741, Tạp chí Scopus, Q4).

**8. Nguyen Thanh Giao**. Spatial Variations of Surface Water Quality in Hau Giang Province, Vietnam Using Multivariate Statistical Techniques. Environment and Natural Resources, 2020, 18(4): 400-410. (ISSN: 2408-2384, Tạp chí Scopus, Q3).

**9. Nguyen Thanh Giao** and Huynh Thi Hong Nhien. Phytoplankton-Water Quality Relationship in water bodies in the Mekong Delta, Viet Nam. Applied Environmental Research, 2020, 42(2): 1-12. (ISSN: 2287-0741, Tạp chí Scopus, Q4).

**10. Nguyen Thanh Giao**. Evaluating current water quality monitoring system on Hau River, Mekong delta, Vietnam using multivariate statistical technique. Applied Environmental Research, 2020, 42(1):14-25. (ISSN: 2287-0741, Tạp chí Scopus, Q4).

**11. Nguyen Thanh Giao**, Tawan Limpiyakorn, Pumis Thuptim dang, Thunyalux Ratpukdi, Sumana Siripattanakul-Ratpukdi. Reduction of Silver Nanoparticle Toxicity Affecting Ammonia Oxidation Using Cell Entrapment Technique. Water Science and Technology, 2019, 79 (5): 1007-1016. (ISSN: 0273-1223, Tạp chí ISI, Q3, IF: 1.915).



**12. Huynh Thi Hong Nhen, Nguyen Thanh Giao.** Environmental Quality of Soil, Water and Sediment at Dong Thang Landfill, Can Tho City, Viet Nam. Applied Environmental Research, 2019, 41(2): 73-83. (ISSN: 2287-0741, Tạp chí Scopus, Q4).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CTĐT đại học ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Tham gia	Quyết định số 4235/QĐ-ĐHCT ngày 26/9/2018	Trường Đại học Cần Thơ		
2	CTĐT sau đại học ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Tổ phó	Quyết định số 1771/QĐ-ĐHCT ngày 4/6/2019	Trường Đại học Cần Thơ		
3	CTĐT bậc tiến sỹ Môi trường Đất và nước	Tham gia	Quyết định số 1771/QĐ-ĐHCT ngày 4/6/2019	Trường Đại học Cần Thơ		
4	Tổ đảm bảo chất lượng ở các đơn vị thuộc trường	Tham gia	Quyết định số 5860/QĐ-ĐHCT ngày 12/12/2018	Trường Đại học Cần Thơ		
5	Tiểu ban chuyên môn Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	Ủy viên	Quyết định số 3646/QĐ-ĐHCT ngày 23/8/2018	Trường Đại học Cần Thơ		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được cấp bằng tiến sĩ/bổ nhiệm PGS

- Thời gian được cấp bằng tiến sĩ: đủ

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: còn thiếu 2 năm 3 tháng

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp: đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy: đủ

+ Hướng dẫn chính thạc sĩ: đủ

c) Nghiên cứu khoa học

- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: đủ

- Công trình khoa học là tác giả chính: đủ

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH: Phó giáo sư**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Cần Thơ, ngày 30 tháng 7 năm 2021*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



Nguyễn Thanh Giao